

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y - TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST

Ngày 16/6/2025

V/v Ly hôn; tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y - TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Lực

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Thu và ông Nguyễn Hà Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hồng Huệ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Bà Đinh Khánh Linh, Kiểm sát viên

Ngày 16/6/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2025/TLST-HNGĐ ngày 12/3/2025 về việc “Ly hôn; tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/5/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị A1 sinh năm 1993; nơi cư trú xóm 7, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

Bị đơn: Anh Trịnh A sinh năm 1989; nơi cư trú xóm 7, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện ngày 25/02/2025 và bản tự khai nguyên đơn là chị A1 trình bày:

Về ly hôn: Chị A1 và anh A tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký tại UBND xã K ngày 14/01/2015. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, to tiếng với nhau, anh A sau mỗi lần đánh chị A1 thì anh A lại xin lỗi chị A1, vì con nhỏ nên chị A1 đã bỏ qua hết lần này đến lần khác mong anh A thay đổi; đầu năm 2024 anh A uống rượu gây sự và đánh chị A1, do không thể chịu đựng được nữa nên chị A1 đã bỏ về quê ngoại ở trong tỉnh Thanh Hoá ở và vợ chồng sống ly tĐ2 từ đó đến nay không còn quan tâm gì đến nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài; nên chị A1 xin ly hôn anh A.

Về nuôi con: Vợ chồng có 02 con là cháu Trịnh Tuấn Đ1 sinh ngày 11/02/2016 và cháu Trịnh Ngọc Đ2 sinh ngày 12/11/2018. Chị A1 đề nghị giao cháu Đ2 cho chị A1 nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đ2 đủ 18 tuổi; giao cháu Đ1 cho anh A nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đ1 đủ 18 tuổi; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản: Chị A1 không yêu cầu Toà án giải quyết; vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

Bản tự khai ngày 08/4/2025 và tại phiên toà bị đơn là anh A trình bày:

Về ly hôn: Anh A và chị A1 tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký tại UBND xã K ngày 14/01/2015. Trong quá trình chung sống vợ chồng không phát sinh mâu thuẫn trầm trọng; đến năm 2023 chị A1 gửi 02 con về bên ngoại rồi bỏ nhà đi, anh A phải đón con về đi học; cuối năm 2023 chị A1 lại về đưa 02 về bên ngoại, anh A lại vào đón 02 về đi học; từ giữa năm 2024 vợ chồng sống ly tĐ2 cho đến nay không quan tâm gì đến nhau. Anh A không muốn ly hôn, nhưng do chị A1 quyết định ly hôn nên anh A đồng ý ly hôn chị A1.

Về nuôi con: Vợ chồng có 02 con là cháu Trịnh Tuấn Đ1 sinh ngày 11/02/2016 và cháu Trịnh Ngọc Đ2 sinh ngày 12/11/2018. Hiện nay hai cháu Đ1g do anh A nuôi dưỡng; anh A đề nghị giao cả hai cháu Đ1 và cháu Đ2 cho anh A nuôi dưỡng, anh A không yêu cầu chị A1 phải cấp dưỡng nuôi con cho anh A và anh A cam đoan sẽ đảm bảo đầy đủ cho cuộc sống, sinh hoạt và học tập cho cả hai cháu.

Về tài sản: Anh A không yêu cầu Toà án giải quyết; vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến đối với vụ án: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng thẩm quyền; xác định đúng quan hệ tranh chấp; xác định đúng tư cách đương sự; đã tiến hành thông báo, xác minh, mở phiên họp và thời hạn xét xử đúng quy định. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A1.

- Cho chị A1 được ly hôn anh A.

- Giao cháu Trịnh Ngọc Đ2 cho chị A1 nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đ2 đủ 18 tuổi; giao cháu Trịnh Tuấn Đ1 cho anh A nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đ1 đủ 18 tuổi; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau và có quyền thăm con con chung.

- Buộc chị A1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án như sau:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Chị A1 khởi kiện “Ly hôn; tranh chấp về nuôi con” với anh A, việc khởi kiện của chị A1 được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh A cư trú tại xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án án nhân dân huyện Y thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về sự vắng mặt của nguyên đơn: Tại phiên tòa nguyên đơn là A1 vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị A1.

[2] Về ly hôn: Chị A1 và anh A tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký tại UBND xã K ngày 14/01/2015. Tại thời điểm kết hôn chị A1 và anh A đều đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại các Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình; do vậy hôn nhân giữa chị A1 và anh A là hợp pháp.

Lý do ly hôn, theo cả chị A1 và anh A đều khai từ năm 2023 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và từ năm 2024 cho đến nay vợ chồng sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau; anh A đồng ý ly hôn chị A1.

Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định tình cảm vợ chồng giữa chị A1 và anh A trong thời gian qua đã không còn yêu thương, quý trọng nhau; không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ cho nhau; việc chị A1 và anh A sống ly thân đã thể hiện rõ là hôn nhân giữa chị A1 và anh A đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị A1, cho chị A1 và anh A.

[3] Về nuôi con: Chị A1 và anh A có 02 con là cháu Trịnh Tuấn Đ1 sinh ngày 11/02/2026 và cháu Trịnh Ngọc Đ2 sinh ngày 12/11/2018.

Việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con sau ly hôn vừa là nghĩa vụ và cũng là quyền của cha mẹ đối với con cái. Trong biên bản lấy lời khai cháu Đ1 khai có nguyện vọng được sống chung với anh A; theo biên bản xác minh của Tòa án đại diện xã K có ý kiến “Anh A lao động tự do, thu nhập không ổn định, cuộc sống một mình nuôi hai con thì khó khăn”. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của cháu Đ2, chấp nhận đề nghị của chị A1; giao cháu Đ1 cho anh A nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đ1 đủ 18 tuổi, giao cháu Đ2 cho chị A1 nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đ2 đủ 18 tuổi.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn: Do cả chị A1 và anh A đều trình bày không yêu cầu các bên phải cấp dưỡng nuôi con; nên Tòa án không buộc chị A1 và anh A phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[4] Về tài sản: Chị A1 và anh A đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng chị A1 và anh A không vay mượn ai tài sản gì.

[5] Về án phí: Chị A1 là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27

của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1. Về ly hôn: Cho chị Trần Thị A1 ly hôn anh Trịnh A.

2.2. Về nuôi con: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị A1; giao cháu Trịnh Ngọc Đ2 sinh ngày 12/11/2018 cho chị A1 nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đ2 đủ 18 tuổi; giao cháu Trịnh Tuấn Đ1 sinh ngày 11/02/2026 cho anh A nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đ1 đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Trần Thị A1 phải chịu 300.000 đồng án phí về việc ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị A1 đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001769 ngày 11/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, chị A1 đã nộp đủ án phí về việc ly hôn.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện Y
- Chi cục THA
- UBND xã K
- Các đương sự
- Lưu hồ s

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Bùi Văn Lực